



FDVN LAW FIRM

ĐIỂM KHÁC NHAU GIỮA QUYỀN TÁC GIẢ VÀ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP



ĐỊA CHỈ: 99 NGUYỄN HỮU THỌ, HẢI CHÂU, TP. ĐÀ NẴNG
WEBSITE: FDVN.VN / FDVNLAWFIRM.VN / DIENDANNGHELUAU.VN

ĐIỂM KHÁC NHAU GIỮA QUYỀN TÁC GIẢ VÀ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Tiêu chí	Quyền tác giả	Quyền sở hữu công nghiệp
Khái niệm	<p>- Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu. (Khoản 2 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019))</p>	<p>- Quyền sở hữu công nghiệp là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh. (Khoản 4 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019))</p>
Đối tượng	<p>- Đối tượng quyền tác giả bao gồm tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học. (Khoản 1, Điều 3 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019))</p>	<p>- Đối tượng quyền sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý. (Khoản 2, Điều 3 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019))</p>
Căn cứ phát sinh bảo hộ	<p>- Kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định; không phân biệt nội dung, chất lượng, hình thức, phương tiện, ngôn ngữ; đã công bố hay chưa công bố, đã đăng ký hay chưa đăng ký. (Khoản 1, Điều 6 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019))</p>	<p>- Sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý: xác lập trên cơ sở quyết định cấp văn bằng bảo hộ (đối với nhãn hiệu nổi tiếng, quyền sở hữu được xác lập trên cơ sở sử dụng, không phụ thuộc vào thủ tục đăng ký). - Bí mật kinh doanh: xác lập trên cơ sở có được một cách hợp pháp bí mật kinh doanh và thực hiện việc bảo mật bí mật kinh doanh đó.</p>

		<p>- Tên thương mại: xác lập trên cơ sở sử dụng hợp pháp tên thương mại đó.</p> <p>(Khoản 3 Điều 6 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019))</p>
<p>Thời gian bảo hộ</p>	<p>- Đối với quyền liên quan đến nhân thân: quyền đặt tên cho tác phẩm; đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng; bảo vệ sự vẹn toàn của tác phẩm được bảo hộ vô thời hạn.</p> <p>- Quyền công bố tác phẩm hoặc cho người khác công bố tác phẩm và các nội dung của quyền tài sản được bảo hộ theo thời hạn như sau:</p> <p>+ Tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm khuyết danh có thời hạn bảo hộ 75 năm, kể từ khi tác phẩm được công bố lần đầu tiên; đối với tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng chưa được công bố trong thời hạn 25 năm, kể từ khi tác phẩm được định hình thì thời hạn bảo hộ là 100 năm, kể từ khi tác phẩm được định hình.</p> <p>+ Đối với tác phẩm khuyết danh, khi các thông tin về tác giả xuất hiện thì thời hạn bảo hộ là suốt cuộc đời tác giả và 50 năm tiếp theo năm tác giả chết. Trường hợp tác phẩm có đồng tác giả thì thời hạn bảo hộ chấm dứt vào năm thứ 50 sau năm đồng tác giả cuối cùng chết.</p> <p>+ Các tác phẩm không thuộc loại hình trên có thời hạn bảo hộ là suốt cuộc đời tác giả và 50 năm tiếp theo năm tác giả chết. Trường hợp tác phẩm có đồng tác giả thì thời hạn bảo hộ chấm dứt vào năm thứ 50 sau năm đồng tác giả cuối cùng chết.</p>	<p>- Bằng độc quyền sáng chế có hiệu lực từ ngày cấp và kéo dài đến hết hai mươi năm kể từ ngày nộp đơn.</p> <p>- Bằng độc quyền giải pháp hữu ích có hiệu lực từ ngày cấp và kéo dài đến hết mười năm kể từ ngày nộp đơn.</p> <p>- Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp có hiệu lực từ ngày cấp và kéo dài đến hết 5 năm kể từ ngày nộp đơn, có thể gia hạn hai lần liên tiếp, mỗi lần 5 năm.</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn có hiệu lực từ ngày cấp và chấm dứt vào ngày sớm nhất trong số những ngày sau đây: Kết thúc 10 năm kể từ ngày nộp đơn; kết thúc 10 năm kể từ ngày thiết kế bố trí được người có quyền đăng ký hoặc người được người đó cho phép khai thác thương mại lần đầu tiên tại bất kỳ nơi nào trên thế giới; kết thúc 15 năm kể từ ngày tạo ra thiết kế bố trí.</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm kể từ ngày nộp đơn, có thể gia hạn nhiều lần liên tiếp, mỗi lần mười năm.</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý có hiệu lực vô thời hạn kể từ ngày cấp.</p> <p>(Điều 93 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019))</p>

	(Điều 27 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019))	
Hình thức bảo hộ	- Không bảo hộ về mặt nội dung, chỉ bảo hộ về hình thức.	- Bảo hộ cả nội dung, ý tưởng sáng tạo và uy tín thương mại.
Đăng ký bảo hộ	- Không bắt buộc đăng ký, tự động được bảo hộ. (Điều 6 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019))	- Bí mật kinh doanh và tên thương mại: không cần cấp văn bằng bảo hộ. - Một số phải được cấp văn bằng mới được bảo hộ: sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý... - Quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu nổi tiếng được xác lập trên cơ sở sử dụng, không phụ thuộc vào thủ tục đăng ký. (Điều 6 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019))
Văn bằng bảo hộ	- Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan. Được cấp bởi Cục bản quyền tác giả thuộc Bộ văn hóa thể thao và du lịch. (Điều 49 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019))	- Bằng độc quyền sáng chế. - Bằng độc quyền giải pháp hữu ích. - Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp. - Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn. - Được cấp bởi Cục Sở hữu trí tuệ thuộc Bộ khoa học và công nghệ. (Điều 92 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019))